

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ VÀO HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG				Số người	
STT	STT học sinh	Điểm chuẩn	Điểm xét tuyển	Chức vụ học sinh	Nội dung chính
1	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
2	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
3	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
4	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
5	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
6	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
7	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
8	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
9	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
10	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
11	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
12	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
13	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
14	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
15	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
16	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
17	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
18	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
19	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
20	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
21	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
22	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
23	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
24	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
25	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
26	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
27	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
28	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
29	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
30	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
31	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
32	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
33	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
34	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
35	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
36	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
37	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
38	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
39	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
40	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
41	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
42	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
43	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
44	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
45	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
46	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
47	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
48	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
49	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
50	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
51	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
52	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
53	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
54	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
55	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
56	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
57	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
58	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
59	Chức vụ học sinh	10	10,00	10,00	10,00
60	Chức vụ học sinh	10			

